TẬP ĐOÀN CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY HẢI SẢN VIỆT NHẬT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	85.041.856.858	79.638.525.238
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.992.988.491	6.060.199.997
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		79.048.868.367	73.578.325.241
4. Giá vốn hàng bán	11		57.680.205.698	50.691.519.877
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.368.662.669	22.886.805.364
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.2	670.870.674	1.136.295.131
7. Chi phí tài chính	22	6.3	6.939.543.209	5.511.167.466
trong đó, chi phí lãi vay	23		*5.851.486.603*	*4.735.713.548*
8. Chi phí bán hàng	24		3.649.955.063	3.656.159.623
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.873.135.988	3.541.088.064
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.576.899.083	11.314.685.342
11. Thu nhập khác	31	6.4	506.739.391	-
12. Chi phí khác	32	6.5	3.371.642.781	27.110.540
13. Lợi nhuận khác	40		(2.864.903.390)	(27.110.540)
14. Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	50		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		2.711.995.693	11.287.574.802
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	6.6	1.123.298.358	1.638.331.222
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		1.588.697.335	9.649.243.580
17.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		-	-
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72	5.18	1.588.697.335	9.649.243.580
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu của công ty mẹ	80		198	1.203

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG	TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN CÔNG THƠ	NGUYỄN VĂN NHỰT